HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC CĂM-PU-CHIA

VỀ MIỄN THỊ THỰC

CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU PHỔ THÔNG

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Căm-pu-chia, sau đây gọi tắt là "các Bên",

Phù hợp với Hiệp định khung ASEAN về miễn thị thực ký tại Kuala Lumpur ngày 25 tháng 7 năm 2006, và mong muốn tăng cường và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai Chính phủ và nhân dân hai nước,

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công dân hai nước mang hộ chiếu phổ thông,

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Công dân của các Bên mang hộ chiếu phổ thông còn giá trị sử dụng ít nhất 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh, được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh lãnh thổ Bên kia qua các cửa khẩu song phương dành cho công dân hai nước, các cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền được hai Bên công nhận, các cửa khẩu quốc tế khác phù hợp với quy định của mỗi Bên.

ĐIỀU 2

1. Công dân của các Bên theo quy định tại Điều 1 của Hiệp định này được phép tạm trú trên lãnh thổ của Bên kia trong thời hạn không quá mười bốn (14) ngày kể từ ngày nhập cảnh.

2. Công dân của Bên này dự định nhập cảnh lãnh thổ của Bên kia với thời gian tạm trú trên mười bốn (14) ngày phải xin thị thực trước khi nhập cảnh Bên kia.

3. Trong trường hợp cần thiết, công dân của một Bên có thể xin gia hạn thời gian tạm trú ở Bên kia với điều kiện phải hoàn tất các thủ tục cần thiết theo các quy định về xuất nhập cảnh của Bên đó.

ĐIỀU 3

Công dân của Bên này phải tôn trọng pháp luật và quy định hiện hành của Bên kia trong thời gian tạm trú trên lãnh thổ của Bên đó.

ĐIỀU 4

Mỗi Bên bảo lưu quyền từ chối nhập cảnh, rút ngắn hoặc chấm dứt thời hạn tạm trú trên lãnh thổ nước mình đối với công dân của Bên kia bị coi là người không được hoan nghênh mà không cần thông báo lý do.

ĐIỀU 5

Các Bên trao cho nhau qua đường ngoại giao các mẫu hộ chiếu phổ thông hiện hành trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực. Trường hợp một Bên thay đổi mẫu hộ chiếu phổ thông thì phải trao cho Bên kia mẫu hộ chiếu phổ thông mới trong vòng ba mươi (30) ngày trước khi đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 6

Mỗi Bên có thể tạm đình chỉ một phần hoặc toàn bộ việc thực hiện Hiệp định này vì lý do an ninh quốc gia, trật tự xã hội hoặc sức khỏe cộng đồng. Việc tạm đình chỉ và chấm dứt việc tạm đình chỉ thực hiện Hiệp định phải được thông báo cho Bên kia qua đường ngoại giao trong vòng 15 ngày kể từ ngày tạm đình chỉ hoặc chấm dứt tạm đình chỉ việc thực hiện Hiệp định này.

Hiệp định này có thể được sửa đổi và/hoặc bổ sung theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên qua đường ngoại giao.

ĐIỀU 7

Mọi bất đồng và tranh chấp nảy sinh giữa các Bên liên quan đến việc thực hiện hoặc giải thích Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn và thương lượng qua đường ngoại giao.

ĐIỀU 8

Hiệp định này có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký.

Một Bên có thể thông báo cho Bên kia ý định hủy bỏ Hiệp định này bằng văn bản thông qua đường ngoại giao. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày một Bên nhận được thông báo của Bên kia về ý định hủy bỏ Hiệp định.

Để làm bằng, những người ký dưới đây, được Chính phủ nước mình ủy quyền, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2008 thành hai (02) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Anh. Các văn bản có giá trị như nhau, trường hợp có sự giải thích khác nhau thì văn bản tiếng Anh được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI** **CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ** **VƯƠNG QUỐC** **CĂM-PU-CHIA**
PHẠM GIA KHIÊM **Phó Thủ tướng** **Bộ trưởng Bộ Ngoại giao**	**HOR Namhong** **Phó Thủ tướng** **Bộ trưởng Bộ Ngoại giao** **và Hợp tác quốc tế**

AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF CAMBODIA
ON VISA EXEMPTION
FOR HOLDERS OF ORDINARY PASSPORTS

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Cambodia, hereinafter referred to as "the Parties",

Considering the ASEAN Framework Agreement on Visa Exemption signed in Kuala Lumpur on 25 July 2006, and with a view to further strengthen and develop friendly relations between the two governments and peoples,

Desiring to streamline the procedure for mutual travel of their citizens holding ordinary passports,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Nationals of both Parties holding ordinary passports with at least six (6) months validity from the date of entry, shall be exempted from entry or transit visa to enter or depart from the territory of the other Party through the bilateral, international border checkpoints recognized by the two Parties, and international checkpoints according to laws and regulations of each Party.

ARTICLE 2

1. Nationals of both Parties referred to in Article 1 of this Agreement shall be permitted to stay in the territory of the other Party for a period not exceeding fourteen (14) days from the date of entry.

2. Nationals of either Party intending to enter the territory of the other Party and staying in excess of fourteen (14) days are required to apply for visas prior to their entry.

3. In case of necessity, the nationals of either Party shall apply for the extension of their stay by completing necessary formalities in accordance with the relevant immigration procedures of the host Party.

ARTICLE 3

Nationals of either Party will abide by other Party's laws and regulations in force during their stay in respective territories.

ARTICLE 4

The Parties shall reserve the right to deny entry into its territory the nationals of the other Party considered undesirable or to shorten or terminate their stay in the territory without citing any reason.

ARTICLE 5

The Parties shall send to each other through diplomatic channels the specimens of their respective ordinary passports currently in use within thirty (30) days after this Agreement takes effect. In case either Party modifies its ordinary passport, the specimen of the new passport shall be sent to the other Party at least thirty (30) days prior to its use.

ARTICLE 6

Either Party may temporarily, partially or fully, suspend the implementation of this Agreement for reason of national security, public order or health. The commencement and termination of such suspension will be notified to the other Party, not later than 15 days from the date of the commencement and termination of such suspension of this Agreement, through diplomatic channels.

This Agreement may be amended and/or supplemented in writing by mutual consent of the Parties through diplomatic channels.

ARTICLE 7

Any difference or dispute arising from the interpretation and/or implementation of this Agreement will be settled by consultation or negotiation through diplomatic channels.

ARTICLE 8

This Agreement shall enter into force thirty (30) days from the date of signing.

Either Party may notify the other Party in writing of its intention to terminate the Agreement, through diplomatic channels. The Agreement will be terminated after sixty (60) days from the date of the receipt of such notification of the other Party.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done at Hanoi on 04 November 2008 in two originals, in Vietnamese, Khmer and English, all texts being equally authentic. In case of any divergence, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

PHAM GIA KHIEM
Deputy Prime Minister
Minister of Foreign Affairs

FOR THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF CAMBODIA

HOR Namhong
Deputy Prime Minister
Minister of Foreign Affairs and International Cooperation

កិច្ចព្រមព្រៀង
រវាង
រដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម
និង
រដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
ស្តីពី
ការលើកលែងទិដ្ឋាការចំពោះអ្នកកាន់លិខិតឆ្លងដែនធម្មតា

រដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ចាប់ពីពេលនេះតទៅហៅថា " **ភាគី** "

ដោយពិចារណាលើកិច្ចព្រមព្រៀងក្របខណ្ឌអាស៊ានស្តីពីការលើកលែងទិដ្ឋាការ ដែលបានចុះហត្ថលេខាកាលពីថ្ងៃទី ២៥ ខែ កក្កដា ឆ្នាំ ២០០៦ នៅទីក្រុងតូឡាឡាំពួរ និងដើម្បីពង្រឹងពង្រីកទំនាក់ទំនងជាមិត្តភាពរវាង រដ្ឋាភិបាល និងប្រជាជននៃប្រទេសទាំងពីរ

ដោយចង់ពង្រឹងទំនាក់ទំនង និងបែបបទធ្វើដំណើរទៅវិញទៅមកនៃពលរដ្ឋប្រទេសទាំងពីរ ដែលកាន់លិខិតឆ្លងដែនធម្មតា

បានព្រមព្រៀងដូចតទៅ:

មាត្រា ១

ពលរដ្ឋនៃភាគីទាំងពីរ ដែលកាន់លិខិតឆ្លងដែនធម្មតា មានសុពលភាពយ៉ាងតិចប្រាំមួយ (០៦) ខែ គិតចាប់ពីថ្ងៃចូល ត្រូវបានលើកលែងទិដ្ឋាការចូល ឬឆ្លងកាត់ ដើម្បីចូលឬចេញពីទឹកដីនៃភាគីនីមួយៗតាមច្រកទ្វារទ្វេភាគី ឬច្រកទ្វារព្រំដែនអន្តរជាតិដែលទទួលស្គាល់ដោយភាគីទាំងពីរ និងច្រកទ្វារអន្តរជាតិទាំងឡាយដែលស្របតាមច្បាប់ និងបទបញ្ញត្តិរបស់ភាគីនីមួយៗ ។

មាត្រា ២

១. ពលរដ្ឋនៃភាគីទាំងពីរ ដូចមានបញ្ជាក់ក្នុងមាត្រា ១ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវបានអនុញ្ញាតឱ្យស្នាក់នៅក្នុងទឹកដីនៃភាគីនីមួយៗ ក្នុងរយៈពេលមិនលើសពីដប់បួន (១៤) ថ្ងៃ គិតចាប់ពីថ្ងៃចូល ។

២. ពលរដ្ឋនៃភាគីនីមួយៗ ដែលមានបំណងធ្វើដំណើរចូល និងស្នាក់នៅ ក្នុងទឹកដីនៃភាគីម្ខាងទៀតលើសពីដប់បួន (១៤) ថ្ងៃ តម្រូវឱ្យស្នើសុំទិដ្ឋាការមុននឹងធ្វើដំណើរចូលក្នុងទឹកដីភាគីម្ខាងទៀត ។

៣. ក្នុងករណីចាំបាច់ ពលរដ្ឋនៃភាគីនីមួយៗ ត្រូវស្នើសុំពន្យាការស្នាក់នៅ ដោយបំពេញបែបបទចាំបាច់ ស្របទៅតាមនីតិវិធីអន្តោប្រវេសន៍នៃរដ្ឋដែលខ្លួនស្ថិតនៅ ។

មាត្រា ៣

ពលរដ្ឋនៃភាគីនីមួយៗ ត្រូវគោរពច្បាប់ និងបទបញ្ជាត្តិជាធរមាន នៅក្នុងប្រទេសភាគីម្ខាងទៀត ក្នុងកំឡុងពេលស្នាក់នៅក្នុងប្រទេសនោះ ។

មាត្រា ៤

ភាគីទាំងពីរអាចរក្សាសិទ្ធិបាមឃាត់ការចូលទៅក្នុងទឹកដីរបស់ខ្លួននូវពលរដ្ឋរបស់ភាគីម្ខាងទៀត ក្នុងករណីពិចារណាឃើញថា ជាបុគ្គលមិនស្វាគមន៍ ដោយកាត់បន្ថយ ឬបញ្ចប់រយៈពេលស្នាក់នៅរបស់ជនទាំងនោះ ដោយមិនចាំបាច់បញ្ជាក់ពីហេតុផលអ្វីឡើយ ។

មាត្រា ៥

ភាគីទាំងពីរត្រូវផ្លាស់ប្តូរទៅវិញទៅមកតាមផ្លូវការទូតនូវលិខិតឆ្លងដែនធម្មតាក្នុងរយៈពេលសាមសិប (៣០) ថ្ងៃ បន្ទាប់ពីកិច្ចព្រមព្រៀងនេះចូលជាធរមាន ។ ក្នុងករណីដែលភាគីណាមួយប្តូរលិខិតឆ្លងដែនធម្មតារបស់ខ្លួនគំរូលិខិតឆ្លងដែនធម្មតាថ្មី ត្រូវបញ្ជូនទៅភាគីម្ខាងទៀត យ៉ាងតិចសាមសិប (៣០) ថ្ងៃ មុនពេលប្រើ ។

មាត្រា ៦

ភាគីនីមួយៗអាចផ្អាកជាបណ្តោះអាសន្ននូវការអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ដោយផ្នែក ឬទាំងស្រុង ដោយមូលហេតុសន្តិសុខជាតិ សណ្តាប់ធ្នាប់សាធារណៈ ឬសុខភាព ។ ការចាប់ផ្តើម និងការបញ្ចប់នៃការផ្អាកការអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវជូនពត៌មានជាលាយលក្ខអក្សរតាមផ្លូវការទូតឱ្យបានយ៉ាងតិច ១៥ ថ្ងៃ មុនពេលវេលានៃការចាប់ផ្តើម និងការបញ្ចប់នៃការផ្អាកការអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះអាចធ្វើវិសោធនកម្ម ឬអាចបន្ថែមដោយលាយលក្ខអក្សរតាមការព្រមព្រៀងគ្នាពីភាគីទាំងពីរ តាមផ្លូវការទូត ។

មាត្រា ៧

ភាពវិវាទទាំងឡាយ ដែលកើតចេញពីការបកស្រាយ ឬការអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវដោះស្រាយតាមរយៈការពិគ្រោះយោបល់ ឬការចរចារ តាមផ្លូវការទូត ។

មាត្រា ៨

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវចូលជាធរមាន សាមសិប (៣០) ថ្ងៃ ចាប់ពីថ្ងៃចុះហត្ថលេខា។

ភាគីនីមួយៗអាចជូនពត៌មានជាលាយលក្ខអក្សរទៅវិញទៅមកតាមផ្លូវការទូត នូវបំណងរបស់ខ្លួនក្នុងការបញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។ កិច្ចព្រមព្រៀងនេះត្រូវបញ្ចប់បន្ទាប់ពីរយៈពេលសាមសិប (៦០) ថ្ងៃ នៃការទទួលបានការជូនពត៌មាននៃភាគីម្ខាងទៀត។

ជាសក្ខីភាព ហត្ថលេខីខាងក្រោមនេះដោយមានការអនុញ្ញាតពីរដ្ឋាភិបាលរៀងៗខ្លួន បានចុះហត្ថលេខាលើកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

ធ្វើនៅទីក្រុងហាណូយ ថ្ងៃទី ខែ វិច្ឆិកា ឆ្នាំ ២០០៨ ជាពីរ (២) ច្បាប់ដើមជាភាសាវៀតណាម ខ្មែរ និងអង់គ្លេស ដែលអត្ថបទទាំងអស់មានតម្លៃស្មើគ្នា។ ក្នុងករណីមានការបកស្រាយខុសគ្នា អត្ថបទជាភាសាអង់គ្លេសត្រូវយកធ្វើជាឯកសារគោល។

តំណាងរដ្ឋាភិបាល	**តំណាងរដ្ឋាភិបាល**
នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម	**នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**
ផាម យ៉ាឈៀម	**ហោ ណាំហុង**
ឧបនាយករដ្ឋមន្ត្រី	ឧបនាយករដ្ឋមន្ត្រី
រដ្ឋមន្ត្រីការបរទេស	រដ្ឋមន្ត្រីការបរទេស និង
	សហប្រតិបត្តិការអន្តរជាតិ